

Bản án số: 646/2018/HNGĐ

Ngày: 25/9/2018

Về tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo.

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hảo;
2. Ông Huỳnh Công Nhân.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 330/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2018 tranh chấp về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1974. (Có mặt)

Địa chỉ: phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Tuyết N, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:**

Tại đơn khởi kiện ngày 14/9/2017, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 11/6/2018, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Duy T xác định yêu cầu khởi kiện như sau: Ông và bà Phạm Thị Tuyết N qua thời gian tìm hiểu khoảng 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 134/TT đăng ký ngày 26 tháng 5 năm 1995 tại Ủy ban Nhân dân phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh).

Vợ chồng sống với nhau khoảng 18 (Mười tám) năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về mọi vấn đề trong cuộc sống nên cả hai thường xuyên gây gổ, cãi vã, có lời lẽ và hành động xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng

đã cùng nhau khắc phục sửa chữa nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Ông bà đã ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay, nguyện vọng của ông là:

- Về quan hệ vợ chồng: Yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với bà Phạm Thị Tuyết N;

- Về con chung: Ông xác nhận có 02 (Hai) trẻ họ và tên

1. Nguyễn Phạm Yến Nh, (Nữ) sinh ngày 30/9/1995 (đã trưởng thành);

2. Nguyễn Phạm Hoàng Y, (Nữ) sinh ngày 06/01/2004.

Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao trẻ Nguyễn Phạm Hoàng Y cho bà Phạm Thị Tuyết N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

- Về tài sản chung: Ông xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

- Về nợ chung: Ông xác nhận không có.

Ông xác nhận việc ly hôn của ông không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N đã được Tòa án tiến hành tổng đạt, niêm yết triệu tập hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 17/7/2018 và 08/8/2018 nhưng bà N không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N. Tòa án cũng tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018 nhưng bà bà Phạm Thị Tuyết N vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, Điều 71 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự vì vắng mặt trong suốt quá trình từ khi tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay.

Về nội dung: Xét yêu cầu của ông T, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông T và bà N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của ông T được ly hôn với bà N là có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Yến Nh, sinh ngày: 30.9.1995 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phạm Hoàng Y, sinh ngày 06.01.2004. Sau khi ly hôn ông T yêu cầu bà N nuôi dưỡng trẻ Y và trẻ Y cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ vì bà N hiện đang nuôi trẻ Y, ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Y mỗi tháng 15.000.000 đồng. Nhận thấy mặc dù bà N không đến tòa án để giải quyết vụ án ly hôn nhưng theo trẻ Y thì hiện tại trẻ đang sống với mẹ và có nguyện vọng được ở với mẹ, ông T cũng có yêu cầu để bà N nuôi dưỡng trẻ Y và ông T cấp dưỡng nuôi trẻ Yến mỗi tháng 15.000.000 đồng. Nhận thấy về yêu cầu này của ông T là có cơ sở để chấp nhận.

Về tài sản chung: Hai bên tự giải quyết.

Nợ chung: Không có

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51 và các Điều 56, 57, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Với các chứng cứ có trong hồ sơ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: ông T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 27, Khoản 1 Điều 33 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục tổng đạt hợp lệ cho bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 330/2018/TBTL-HNGĐ ngày 16/5/2018; giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 17/7/2018; giấy triệu tập và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/8/2018; giấy triệu tập tham gia phiên tòa và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2018; tuy nhiên bị đơn bà Phạm Thị Tuyết Nhung vắng mặt; nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, bà Phạm Thị Tuyết N theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Duy T và bà Phạm Thị Tuyết N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134/TT đăng ký ngày 26 tháng 5 năm 1995 tại Ủy ban Nhân dân phường C, Quận

X, Thành phố Hồ Chí Minh) nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông T và bà N chung sống với nhau gần 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo ông T là do cả hai có những quan điểm sống khác nhau, do vậy ông bà thường xuyên bất đồng ý kiến về mọi vấn đề dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên gây gỗ, cãi vã, tuy là vợ chồng nhưng mạnh ai nấy sống và đã ly thân lâu nay. Từ khi sống ly thân đến nay hai vợ chồng không ai nói với ai tiếng nào, không còn sự quan tâm chăm sóc cho nhau.

Theo Phiếu yêu cầu xác minh số 263/2018/PYCXM ngày 14/6/2018 của Thường trực hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Phong, Quận 7 cho biết tình trạng hôn nhân của ông T và bà N đang sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông T và bà N là trầm trọng kéo dài, khả năng đoàn tụ không có, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những nhận định như trên, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh không số, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân phường C, Quận X, Tp.HCM cấp ngày 05/10/1995 và Giấy khai sinh số 43/2004, quyển số 01/CK do Ủy ban nhân dân phường C, Quận X, Tp.HCM cấp ngày 06/02/2004 đã có đủ cơ sở để xác định ông T và bà N có 02 (Hai) con chung là Nguyễn Phạm Yến Nh, sinh ngày 30/9/1995 (đã trưởng thành) và Nguyễn Phạm Hoàng Y, sinh ngày 06/01/2004.

Xét, tại bản tự khai ngày 08/8/2018 cháu Nguyễn Phạm Hoàng Y đã khai và thể hiện nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ vì cháu sống với mẹ từ nhỏ và mẹ chăm sóc tốt hơn.

Xét, sự tự nguyện của ông T đồng ý giao trẻ Nguyễn Phạm Hoàng Y cho bà N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng. Xét thấy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của trẻ Nguyễn Phạm Hoàng Y theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện trên của ông T.

Thi hành vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng. Bắt đầu thi hành vào ngày 05/10/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông T được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[4] Về tài sản chung: Ông T xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa giải quyết, bà N không đến làm việc và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, vấn đề về tài sản chung Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N nên Tòa không xét.

Nếu có tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng thì ông T và bà N có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[5] Về nợ chung: Ông T xác nhận không có nên Tòa không xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

[7] Quyền kháng cáo: ông Nguyễn Duy T, bà Phạm Thị Tuyết N có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N.

2. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Duy T về việc ly hôn với bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N, xử cho ông T được ly hôn với bà N (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 134/TT đăng ký ngày 26 tháng 5 năm 1995 tại Ủy ban Nhân dân phường C, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh).

2.2. Về con chung: Xác nhận ông T và bà N có 02 (Hai) trẻ họ và tên

- Nguyễn Phạm Yến Nh, (Nữ) sinh ngày 30/9/1995 (đã trưởng thành);

- Nguyễn Phạm Hoàng Y, (Nữ) sinh ngày 06/01/2004;

Giao trẻ Nguyễn Phạm Hoàng Y cho bà Phạm Thị Tuyết N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Duy T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng.

Thi hành vào ngày 05 (dương lịch) hàng tháng. Bắt đầu thi hành vào ngày 05/10/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng được quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Ông T được quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp ông T chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2.3. Về tài sản chung: Đương sự xác nhận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu có tranh chấp thì các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

2.4. Về nợ chung: Đương sự xác nhận không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

2.5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Nguyễn Duy T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn), nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0022077 ngày 11/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, vậy ông Thuận đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Duy Thuận chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn).

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn bà Phạm Thị Tuyết N vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒ**

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ (Đức).

Lê Phương Thảo